

*Thành phố Bến Tre, ngày 16 tháng 4 năm 2021*

Số: **20/2020/QĐST-DS**

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN  
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 237/2020/TLST- DS ngày 05/11/2020 về việc “*Tranh chấp lối đi*”

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 08/4/2021 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã H thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị R, sinh năm 1959

Địa chỉ: xã P, thành phố B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983

Địa chỉ liên lạc: ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh T.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp 1, xã P, thành phố B, tỉnh T.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Q:*

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1949

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1951

Địa chỉ: ấp 1, xã P, thành phố B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà H: ông Nguyễn Thái Q

- Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1986

- Ông Phạm Duy Ph, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã P, thành phố B, tỉnh T.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1** Ông Nguyễn Thái Q, ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng phần đất và toàn bộ cây trồng trên đất thuộc một phần thửa 1082 do

ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một phần thửa 1083 do ông Nguyễn Thái Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tờ bản đồ số 7 tọa lạc ấp 1 xã P, Thành phố B, tỉnh T, diện tích cụ thể (có bản vẽ kèm theo):

+ Diện tích 84,1m<sup>2</sup> (thửa 1083A+1083B), tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp 1 xã P Thành phố B, tỉnh T. là phần đất thuộc một phần 1083 do ông Nguyễn Thái Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Diện tích 0,6m<sup>2</sup> (thửa 1082A), tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp 1 xã P Thành phố B, tỉnh T. là phần đất thuộc một phần 1082 do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Trần Thị R được toàn quyền sử dụng phần đất tại thửa 1082,1083 diện tích là 84,7m<sup>2</sup>. Bà Trần Thị R liên hệ cơ Q có thẩm quyền để thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích là 84,7m<sup>2</sup> đã nhận chuyển nhượng.

Ông Nguyễn Thái Q, ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H liên hệ cơ Q có thẩm quyền để thực hiện thụ tục điều chỉnh biên động các thửa đất đã chuyển nhượng.

**2.2** Bà Trần Thị R có nghĩa vụ thanh toán số tiền chuyển nhượng đất là 150.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thái Q và ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H.

Ghi nhận ông Nguyễn Thái Q, ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án phân chia số tiền trên diện tích chuyển nhượng của hai thửa đất.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền trên nếu chưa thi hành thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy Đ tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong quyết Đ.

- Chi phí thu thập chứng cứ: số tiền thu thập chứng cứ là 1.358.000 đồng (*một triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng*). Hai bên thống nhất mỗi bên chịu ½ số tiền 679.000 đồng, bà R đã quyết toán xong. Ông Q, ông Đ, bà H có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 679.000 đồng cho bà R (*sáu trăm bảy mươi chín ngàn đồng*)

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các bên thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án nên án phí được giảm 50%.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Số tiền là 3.750.000 đồng (*ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*), bà Trần Thị R, ông Nguyễn Thái Q mỗi người phải chịu ½ án phí số tiền là 1.875.000 đồng (*một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*)

- Bà Trần Thị R thuộc trường hợp được miễn án phí theo qui Đ được miễn án phí theo qui Đ tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà không phải nộp.

- Ông Nguyễn Thái Q, ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H phải chịu số tiền án phí là 1.875.000 đồng (*một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**4.** Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Quyết Đ này được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, VP.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thanh Lan**